

Số: 317/2018/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 294/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lâm T, sinh năm 1983

Trú tại: đường H, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1982

HKTT tại: đường H, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện tại: đường T, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm T và bà Hồ Thị M tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận H, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà M phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hòa hợp. Ông T và bà M đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 1 năm. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục, nên ông T và bà M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà M đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Việc thuận tình ly hôn của ông T và bà M là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông T và bà M.

[4] Về quan hệ con chung: Ông T và bà M có hai con chung tên Lâm H - sinh ngày 29/3/2009 và Lâm P – sinh ngày 09/11/2013. Ông T và bà M thỏa thuận: sau khi ly hôn, bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000đ (1.500.000đ/ 01 con chung). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con của ông T và bà M là tự nguyện, phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lâm T và bà Hồ Thị M thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Bà Hồ Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Lâm H - sinh ngày 29/3/2009 và Lâm P – sinh ngày 09/11/2013. Ông Lâm T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000đ (1.500.000đ/ 01 con chung). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung:* Ông Lâm T và bà Hồ Thị M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

- *Về nợ chung:* Ông Lâm T và bà Hồ Thị M xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lâm T và bà Hồ Thị M phải chịu lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) theo biên lai thu số 6519 ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông T và bà M đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường D;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Thanh Thủy